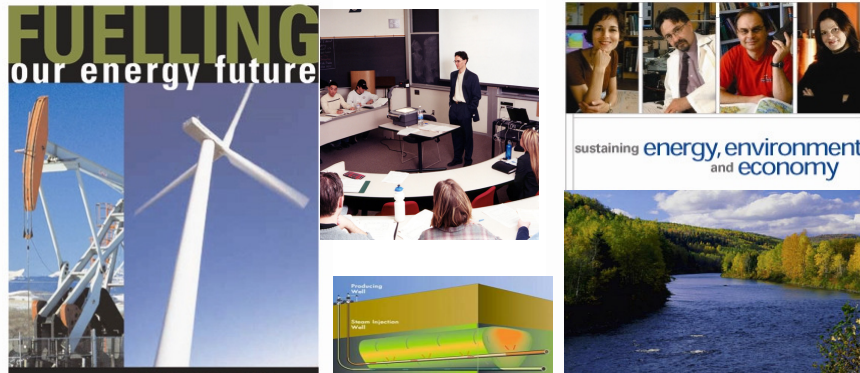




# KINH TẾ MÔI TRƯỜNG



**Giảng viên:** ThS. Đỗ Thị Kim Chi

**Email:** chi.dtk@ou.edu.vn

Open university



## GIAO TRÌNH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Cư Trinh, (2003) - *Kinh tế và Quản lý môi trường*, NXB Thống Kê.
2. Barry C. Field, Martha K. Field – *Environmental Economics (2003), An Introduction*. Third Edition by McGraw-Hill Irwin.
3. Turner, Pearce & Bateman – *Environmental economics (1994)*. Harvester Wheatsheaf, UK.
4. Tom Tietenberg Lynne Lewis - *Environmental & Natural resource Economics (2009) – 8<sup>th</sup> Edition*. Pearson Addison Wesley.
5. Lê Ngọc Uyển, Đoàn Thị Mỹ Hạnh, Hoàng Đình Thảo Vy - *Kinh tế tài nguyên môi trường (2007)*. Tài liệu hướng dẫn học tập Trường đại học Mở TP.HCM.
6. Hoàng Xuân Cơ. *Kinh tế môi trường (2009)*. NXB Giáo Dục.

Open university

ThS. Đỗ Thị Kim Chi



## CẤU TRÚC MÔN HỌC

### Phần I: Khái quát về kinh tế tài nguyên và môi trường

- 1.1 Tài nguyên môi trường và phát triển kinh tế
- 1.2 Nguyên nhân gây suy thoái môi trường

### Phần II: Các phương pháp đánh giá giá trị tài nguyên môi trường

- 2.1 Phương pháp phân tích chi phí - lợi ích
- 2.2 Các phương pháp khác

### Phần III: Các công cụ chính sách quản lý tài nguyên và môi trường

- 3.1 Công cụ mệnh lệnh – hành chính và tuyên truyền, giáo dục
- 3.2 Các công cụ kinh tế - tài chính

### Phần IV: Quản lý tài nguyên thiên nhiên và chất thải

- 4.1 Quản lý tài nguyên thiên nhiên
- 4.2 Quản lý chất thải

### Phần V: Các vấn đề môi trường toàn cầu



## Phần I KHÁI QUÁT KINH TẾ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

### Bài 1: Tài nguyên môi trường và phát triển kinh tế

- 1.1 Khái niệm về môi trường
- 1.2 Nội dung nghiên cứu của kinh tế - tài nguyên môi trường
- 1.3 Quan hệ giữa kinh tế và môi trường
- 1.4 Các chức năng của môi trường
- 1.5 Ngoại tác và hàng hóa công cộng
- 1.6 Tăng trưởng kinh tế, gia tăng dân số và môi trường
- 1.7 Môi trường và vấn đề phát triển bền vững

### Bài 2: Những nguyên nhân gây suy thoái môi trường

- 2.1 Tại sao môi trường suy thoái
- 2.2 Cơ chế hoạt động của thị trường và thất bại của thị trường
- 2.3 Sự thất bại của chính quyền trong vấn đề môi trường



## TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

### 1.1 MÔI TRƯỜNG LÀ GÌ?

- YẾU TỐ TỰ NHIÊN, NHÂN TẠO
- BAO QUANH CON NGƯỜI
- ẢNH HƯỞNG TỚI: ĐỜI SỐNG, SẢN XUẤT, SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CON NGƯỜI VÀ SINH VẬT

{Luật môi trường (29/11/2005)}



Không khí, đất, nước, ánh sáng, âm thanh, cảnh quan, xã hội,...



Khí quyển, thủy quyển, thạch quyển, sinh quyển, nhân quyển



### 1.2 CHỨC NĂNG MÔI TRƯỜNG

- LÀ NƠI SINH SỐNG CỦA CON NGƯỜI
- LÀ NƠI CHỨA Đựng TÀI NGUYÊN
- LÀ NƠI TIẾP NHẬN PHÉ THẢI KHOẢNG KHÔNG GIAN HỖ TỰ CÁC ĐIỀU KIỆN:

MÔI TRƯỜNG CHỨA Đựng:

- VẬT LÝ,

MÔI TRƯỜNG TIẾP NHẬN PHÉ THẢI VÀ ĐỔNG, NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG, THÔNG TIN, HÓA CHẤT, THAM GIA THỰC HIỆN VÒNG TỰN HOÀN VẬT CHẤT, SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ CỦA CON NGƯỜI.

- CẢNH QUAN,
- XÃ HỘI.





### 1.3 NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ MÔI TRƯỜNG

VẬN DỤNG CÁC QUY LUẬT PHÁT TRIỂN KINH TẾ:

- > SỬ DỤNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN
- > BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHỎI SUY THOÁI



### 1.4 QUAN HỆ GIỮA KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG

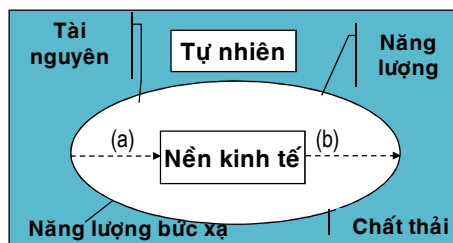
- Mô hình cân bằng vật chất, trên cơ sở nhiệt động lực học

**Quy luật nhiệt động lực học I:**

HĐKT là một quá trình chuyển đổi vật chất và năng lượng

**Quy luật nhiệt động lực học II:**

Không thể có khả năng thu hồi (tái sinh) 100% những sản phẩm phế thải để đưa lại vào chu trình tài nguyên.

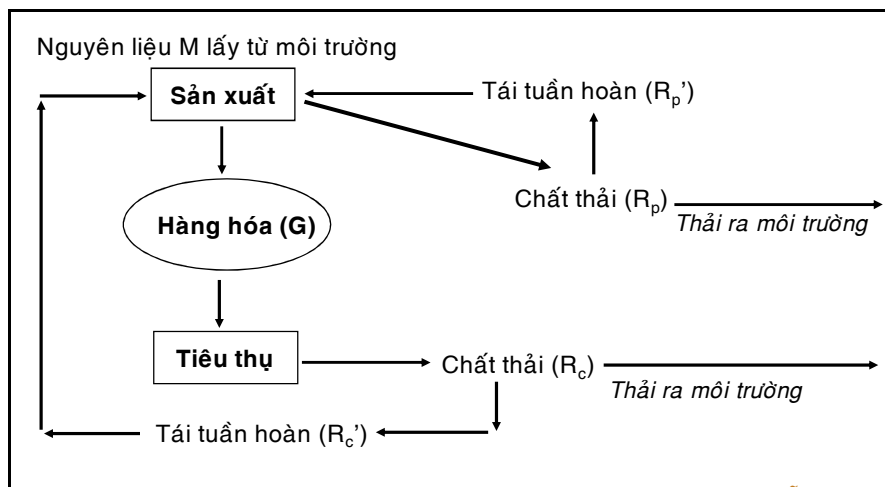


- (a): dòng nguyên liệu, năng lượng đi vào
- (b): dòng nguyên liệu, năng lượng đi ra



## 1.2 NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

### Mô hình cân bằng vật chất



Open university

Th.S. Đỗ Thị Kim Chi



## Định luật nhiệt động lực học thứ I

$$M = R_p + R_c = G + R_p - R_p' - R_c'$$

### Giảm chất thải bằng cách nào??

### Giảm M như thế nào???

#### Có 3 cách:

- Giảm G → giảm tốc độ gia tăng dân số.
- Giảm R<sub>p</sub>: thay đổi tổng lượng chất thải sinh ra trong quá trình sản xuất
- Tăng (R<sub>p</sub>' + R<sub>c</sub>') : tăng tái tuần hoàn

Open university

Th.S. Đỗ Thị Kim Chi



## 1.5 NGOẠI TÁC VÀ HÀNG HOÁ CÔNG CỘNG

### 1. Ngoại tác là gì?

- Những hoạt động gây tác động phụ của sản xuất hay tiêu thụ -> có lợi or có hại cho người thứ 3 (không phải hoặc không được trả tiền)

### Ngoại tác tồn tại khi nào?

- Cái giá phải trả hoặc cái lợi của tư nhân không bằng của xã hội
- Phúc lợi bị ảnh hưởng bởi những người tiêu dùng or người sản xuất khác
- Các chi phí, lợi ích không được xem xét đầy đủ trong các hoạt động sản xuất hay tiêu dùng.
- Có thể phát sinh trong: sản xuất - sản xuất; sản xuất - tiêu dùng; tiêu dùng - tiêu dùng

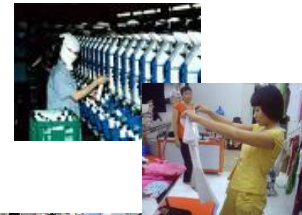


## 1.5 NGOẠI TÁC VÀ HÀNG HOÁ CÔNG CỘNG

**Chi phí xã hội = Chi phí tư nhân + Chi phí ngoại tác**

### Chi phí tư nhân:

Chi phí được chi trả trực tiếp bởi người tiêu dùng trong các hoạt động tiêu dùng hay bởi người sản xuất trong các hoạt động sản xuất. Ví dụ.



### Chi phí ngoại tác:

Chi phí được chi trả bởi người tiêu dùng hay người sản xuất không phải là những người tiến hành các hoạt động đó. Ví dụ.





## 1.5 NGOẠI TÁC VÀ HÀNG HOÁ CÔNG CỘNG

**Lợi ích xã hội = Lợi ích tư nhân + Lợi ích ngoại tác**

### Lợi ích tư nhân:

- Thu được trực tiếp của người tiêu dùng từ hoạt động tiêu dùng hay lợi ích của người sản xuất từ hoạt động sản xuất.

### Lợi ích ngoại tác:

- Lợi ích của những người tiêu dùng hay người sản xuất không phải là những người tiến hành các hoạt động đó.



## 1.5 NGOẠI TÁC VÀ HÀNG HOÁ CÔNG CỘNG

### 2. Thế nào là hàng hoá công cộng?

- Cung cấp cho nhiều người, mức giá không cao hơn mức giá cung cấp cho một người
- Cung cấp cho một số người tiêu dùng thì những người khác vẫn có thể tiêu dùng chúng



### Đặc trưng của hàng hoá công cộng:

- Không giảm số lượng khi được tiêu dùng bởi nhiều người
- Không độc chiếm
- Ví dụ:





## 1.5 NGOẠI TÁC VÀ HÀNG HOÁ CÔNG CỘNG

### 3. Ngoại tác, hàng hoá công cộng và vấn đề môi trường

- Nguyên nhân gây suy thoái môi trường
- Khi tồn tại ngoại tác và hàng hoá công cộng → giá sản phẩm không phản ánh đúng giá trị xã hội của nó → các doanh nghiệp có thể sản xuất quá nhiều hay quá ít → điều tiết của thị trường vô hiệu quả.
- Ngoại tác có thể tích cực hay tiêu cực.



## 1.5 NGOẠI TÁC VÀ HÀNG HOÁ CÔNG CỘNG

### 3. Ngoại tác, hàng hoá công cộng và vấn đề môi trường

#### Ngoại tác tiêu cực:

- + Phát sinh vì doanh nghiệp không muốn chịu trách nhiệm về chi phí ngoại tác.
- + Phát sinh khi một bên làm phát sinh các chi phí cho bên khác.
- + Làm phát sinh chi phí ngoại tác → chi phí xã hội > chi phí tư nhân



#### Ngoại tác tích cực:

- + Nảy sinh khi hoạt động của một bên làm lợi cho bên khác
- + Mang lại lợi ích ngoại tác → lợi ích xã hội > lợi ích tư nhân





## Ví dụ về ngoại ứng

	Ngoại ứng tích cực	Ngoại ứng tiêu cực
Ngoại ứng trong sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trồng rừng</li> <li>- Trồng hoa hồng cho sản xuất nước hoa</li> <li>- Sản xuất sạch hơn</li> <li>- Nuôi ong và trồng nhãn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng phân bón thuốc trừ sâu</li> <li>- Ô nhiễm nước thải từ nhà máy hóa chất</li> <li>- Ô nhiễm không khí do máy nhiệt điện</li> </ul>
Ngoại ứng trong tiêu dùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu gom vỏ chai</li> <li>- Sơn sửa nhà cửa</li> <li>- Tiêm vắc xin phòng bệnh</li> <li>- Sử dụng lại túi nilon</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếng ồn, bụi do xe máy</li> <li>- Hút thuốc lá trong phòng nơi đông người</li> <li>- Sử dụng CFCs trong máy lạnh</li> <li>- Chặt phá rừng</li> </ul>



## 1.6 TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, GIA TĂNG DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG

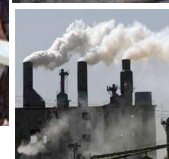
### Khái niệm giới hạn tăng trưởng:

Giới hạn đối với sự tăng trưởng kinh tế:

- Khả năng hấp thụ chất thải của môi trường thiên nhiên.
- Giới hạn của các loại tài nguyên không thể tái tạo

Vấn đề tăng dân số với hai giới hạn trên:

- Dân số và đất đai;
- Dân số và nhu cầu nước;
- Cạn kiệt tài nguyên rừng
- Chất lượng không khí.





## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 1. Khái niệm phát triển bền vững

- Sự phát triển thoả mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại nhưng không ảnh hưởng đến sự thoả mãn nhu cầu của thế hệ tương lai.
- Bao gồm sự cân bằng trên 3 lĩnh vực: tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.



- Cải thiện Pareto: sự phân phối làm cho một người có lợi hơn nhưng không làm bất kỳ ai bị thiệt
- Phát triển bền vững bảo đảm duy trì phúc lợi theo thời gian



## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 2. Điều kiện để phát triển bền vững

Đảm bảo được vốn K được duy trì cho các thế hệ.

$$K = K_m + K_n + K_h$$

Trong đó:

K – Dự trữ vốn

$K_m$  – Vốn con người tạo ra (nhà xưởng, máy móc, đường xá, ..)

$K_n$  – Tài sản thiên nhiên (khoáng sản, đất, nước, thủy hải sản, ..)

$K_h$  – Vốn con người (tri thức, kỹ năng)



## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 2. Điều kiện để phát triển bền vững

Cần 1 cơ chế chuyển giao tài nguyên cho thế hệ tương lai:

$$S = \frac{X}{(1+r)^T} \Rightarrow ??????$$

Trong đó:

S – Dự trữ vốn của thế hệ hiện tại

X – Chi phí khắc phục hậu quả do thế hệ hiện tại gây ra

T – Thời gian kể từ thời điểm hiện tại

r – Lãi suất thực ( $r > 0$ )



## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 3. Nguyên tắc hoạt động đảm bảo phát triển bền vững

**Nguyên tắc 1:** Mức khai thác và sử dụng tài nguyên tái tạo (h) phải luôn nhỏ hơn mức tái tạo của tài nguyên (y),  $h < y$ .

**Nguyên tắc 2:** Luôn duy trì lượng chất thải vào môi trường (w) nhỏ hơn khả năng hấp thụ (đồng hóa) của môi trường (A),  $w < A$ .

➔ Để nền kinh tế phát triển bền vững:

- Vốn dự trữ TNTN phải luôn duy trì ổn định theo thời gian.
- TN không thể tái tạo, khi sử dụng hết phải tìm được loại TN thay thế.



## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 4. Nguyên tắc hoạt động đảm bảo phát triển bền vững

1. Duy trì năng lực tái sinh của tài nguyên có khả năng tái sinh
2. Khuyến khích việc sáng tạo và áp dụng các công nghệ chuyển đổi từ việc sử dụng tài nguyên không có khả năng tái sinh
3. Khai thác TN tái sinh ở tốc độ bằng với tốc độ vật chất được tái sinh
4. Giới hạn quy mô kinh tế trong khả năng tải của môi trường
5. Thay thế tài nguyên hữu hạn bằng tài nguyên vô hạn
6. Giảm tiêu dùng bằng cách khuyến khích tiết kiệm tiêu dùng



## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 5. Các chỉ số phát triển bền vững

1) Chỉ số phát triển con người (HDI): thước đo tổng hợp trình độ phát triển của con người (sức khỏe, tri thức, thu nhập)

Chỉ số phát triển giáo dục (EI) =  $(a * TL \text{ người lớn biết chữ}) + (b * TL \text{ nhập học các cấp})$

Trong đó:  $a = 2/3$ ;  $b = 1/3$

$$\text{Chỉ số tuổi thọ trung bình (LI}_k\text{)} = \frac{L_k - L_{\min}}{L_{\max} - L_{\min}}$$

Trong đó:

$LI_k$  - chỉ số tuổi thọ trung bình của dân cư

$L_k$  - tuổi thọ bình quân

$L_{\min}$ ,  $L_{\max}$  - tuổi thọ tối thiểu và tối đa của dân cư



## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 6. Các chỉ số phát triển bền vững

Chỉ số thu nhập đầu người (II): Đo bằng GDP thực tế đầu người theo sức mua tương đương tính bằng USD

$$II_k = \frac{I_k - I_{\min}}{I_{\max} - I_{\min}}$$

Trong đó:

$II_k$  - chỉ số thu nhập đầu người ở vùng k

$I_k$  - thu nhập bình quân

$I_{\min}, I_{\max}$  - giá trị thu nhập đầu người tối thiểu và tối đa

$$HDI = 1/3EI_K + 1/3 LI_K + 1/3II_K$$



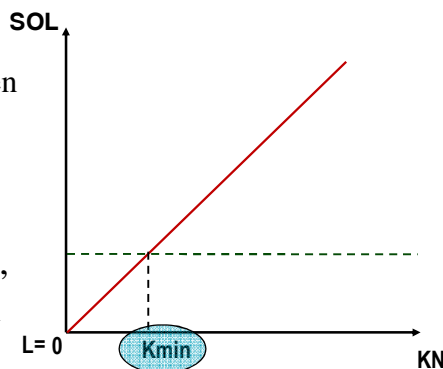
## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 7. Sự lựa chọn và phát triển bền vững

Nâng cao mức sống phụ thuộc chủ yếu vào vốn TNTN và khả năng sử dụng TNTN. Có 2 giả thuyết như sau:

Giả thuyết thứ nhất:

- Nền kinh tế có mức dự trữ tài nguyên (KN) thấp, muốn tăng mức sống (SOL) phải tăng vốn tài nguyên.
- Chấp nhận mức sống tăng chậm, cuộc sống còn khó khăn, dành vốn và nguồn lực để nuôi dưỡng tài nguyên.





## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 7. Sự lựa chọn và phát triển bền vững

Nâng cao mức sống phụ thuộc chủ yếu vào vốn TNTN và khả năng sử dụng TNTN. Có 2 giả thuyết như sau:

Giả thuyết thứ hai:

- Nâng cao mức sống  $\leftrightarrow$  giảm bớt vốn dự trữ TNTN.
- Muốn môi trường tốt lên thì mức sống phải giảm xuống.



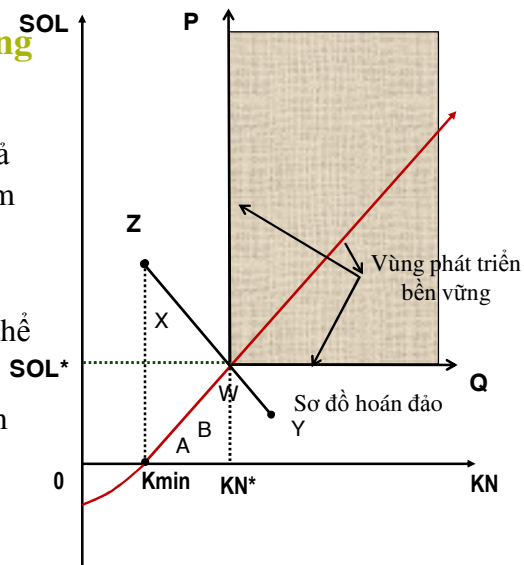
## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Sơ đồ biểu diễn khả năng phát triển bền vững

Mô hình hoán đảo: tuân theo giả thuyết 2, tăng SOL  $\leftrightarrow$  giảm KN.

Mô hình phát triển bền vững:

- Khi đạt được mức SOL\*, có thể tăng hoặc giữ nguyên KN\*.
- Quan hệ giữa SOL và KN nằm trong miền góc vuông PWQ.

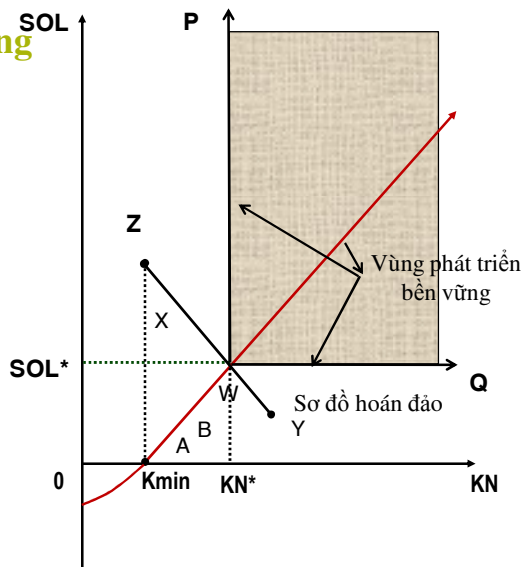




## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Sơ đồ biểu diễn khả năng phát triển bền vững

- Làm thế nào để xác định được  $KN^{*??}$  – khả năng phục hồi tài nguyên. Ví dụ:
- $SOL^{*}$ : đủ cao, có sức khỏe tốt, có sức sáng tạo → phát triển bền vững.



## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 8. Khả năng duy trì vốn dự trữ tài nguyên thiên nhiên

Nguyên tắc của nền kinh tế bền vững: duy trì nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Thay thế TNTN (KN) bằng tài nguyên nhân tạo (KM).  
↔  $KM > KN$ .
- Tiến bộ công nghệ: 1 biện pháp giảm tiêu thụ tài nguyên và nâng cao SOL. → Vấn đề:
  - + tiến bộ công nghệ có kéo dài mãi không?
  - + công nghệ mới có chắc chắn gây ít ô nhiễm hơn?



## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 8. Khả năng duy trì vốn dự trữ tài nguyên thiên nhiên

Nguyên tắc của nền kinh tế bền vững: duy trì nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Khả năng phát triển kéo dài: tình trạng chung của các nước nghèo phụ thuộc vào vốn dự trữ tài nguyên.
- Công bằng giữa các thế hệ: việc tạo ra KM dễ hơn nhiều so với KN.
- Ý nghĩa đối với đời sống sinh vật: KN giảm → nơi sinh sống của sinh vật cũng bị đe dọa.



## 1.7 MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 6. Các chỉ số phát triển bền vững

- 2) Chỉ số sinh thái: Khó định lượng vì tùy thuộc nhiều vào hoàn cảnh tự nhiên của mỗi quốc gia
- 3) Chỉ số HPI (Human Poverty Index) cho các nước đang phát triển
- 4) Chỉ số GDI chỉ số phát triển giới
- 5) HFI (Human Free Index) cho các nước phát triển: việc làm, tôn trọng quyền con người, an sinh, không bạo lực.





### Câu hỏi ôn tập bài 1:

1. Hãy nêu một vài ví dụ về ngoại ứng (tiêu cực, tích cực) và hàng hóa công cộng.
2. Quá trình phát triển có giới hạn hay không? Làm thế nào để không vượt qua các giới hạn đó.
3. Tại sao ngoại tác và hàng hoá công cộng lại liên quan tới các vấn đề môi trường? cho một ví dụ để minh hoạ.
4. Làm cách nào để đánh giá được sự phát triển bền vững??



## Bài 2: NGUYÊN NHÂN GÂY SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG

### 2.1 Tại sao môi trường suy thoái?

#### 1). Có nhiều quan điểm khác nhau

- Do hành vi, thái độ ứng xử của con người trái với luân thường đạo lý → nâng cao trách nhiệm ý thức, giáo dục đạo đức MT
- Trên quan điểm môi trường: công bằng trong phân phối các nguồn TN giữa các thế hệ hiện tại, thế hệ hiện tại với thế hệ tương lai.
- Trên giác độ kinh tế: phương cách rẻ tiền để thanh toán chất thải -> khuyến khích các hoạt động hiệu quả để định hướng cho các quyết định đúng đắn tránh ô nhiễm môi trường



## Bài 2: NGUYÊN NHÂN GÂY SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG

### 2). Hậu quả của ô nhiễm môi trường:

- **Cấp độ địa phương:** ô nhiễm nguồn nước, không khí -> sức khỏe cộng đồng
- **Cấp độ vùng:** mưa acid ô nhiễm không khí, thực vật, đất, nước, tài sản
- **Cấp độ toàn cầu:** trái đất nóng lên, hiện tượng hiện ứng nhà kính, thay đổi khí hậu, bão lụt, nước biển dâng cao, hạn hán,...



## Bài 2: NGUYÊN NHÂN GÂY SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG

### Hai nguyên nhân chính:

- Định giá sản phẩm không tính đủ chi phí sử dụng các tài nguyên môi trường
- Không xác định rõ quyền sở hữu đối với tài nguyên môi trường



## 2.2 CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG VÀ THẤT BẠI CỦA THỊ TRƯỜNG

### 1) Tầm quan trọng và hiệu quả của thị trường:

- **Kinh tế thị trường:** nhà sản xuất quyết định: loại hàng hóa, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai.
- **Kinh tế kế hoạch tập trung:** nhà nước chi phối tới tất cả các hoạt động: sản xuất (loại sản phẩm, số lượng và cách thức sản xuất) và quá trình phân phối tiêu dùng
- **Kinh tế hỗn hợp:** kết hợp của 2 nền kinh tế trên, một số nhà kinh tế gọi là nền kinh tế thị trường ngày nay.

➔ **Việt Nam đang là nền kinh tế gì??**



## 2.3 CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG VÀ THẤT BẠI CỦA THỊ TRƯỜNG

### 2) Mục tiêu của nhà doanh nghiệp: lợi nhuận

Lợi nhuận biên = doanh thu biên – chi phí biên

$$MNPB = P - MC$$

- **Lợi nhuận biên:** lợi nhuận tăng thêm khi tăng bán một đơn vị sản phẩm
- **Doanh thu biên:** số tiền tăng thu khi bán thêm một đơn vị sản phẩm
- **Chi phí biên:** chi phí tăng thêm khi sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm



## 2.3 CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG VÀ THẤT BẠI CỦA THỊ TRƯỜNG

2) Mục tiêu của nhà doanh nghiệp: lợi nhuận

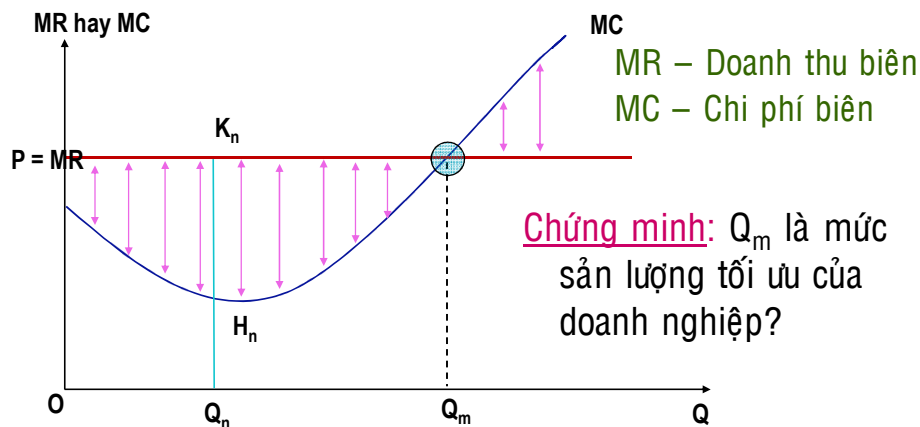
Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, hội tụ các điều kiện sau:

- Có nhiều người sản xuất cùng sản phẩm và không có người nào quyết định giá cả.
- Thông tin về sản xuất và các thông tin khác phải đầy đủ, công khai (thông tin hoàn hảo)
- Mọi chi phí phải được phản ánh trong giá thị trường.
- Hàng hóa trao đổi trên nguyên tắc sở hữu cá nhân.

→ P được coi là không đổi khi thay đổi MC ↔ P = MC



## 3) Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận





#### 4) Cách thức thị trường sử dụng TNMT có giá và không có giá

+ Trong thị trường tự do, 2 yếu tố quyết định mức sản xuất:

- ✓ Giá đơn vị một sản phẩm có thể bán được
- ✓ Chi phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm
- Doanh nghiệp sẽ chỉ sử dụng tài nguyên để sản xuất mức sản lượng:  $MR = MC$
- Đối với tài nguyên môi trường được sử dụng miễn phí thì nhà sản xuất có xu hướng không tính toán để sử dụng một cách miễn phí.

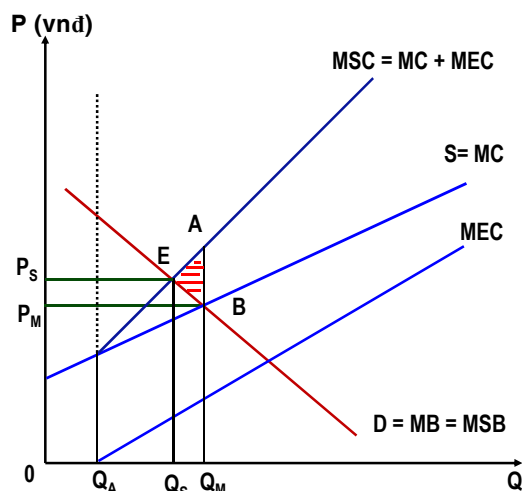
Ví dụ: trang 40

**Kết luận:** cách sử dụng tài nguyên như thế có lợi cho doanh nghiệp nhưng có hại cho môi trường (cho xã hội), phát sinh chi phí ngoại tác

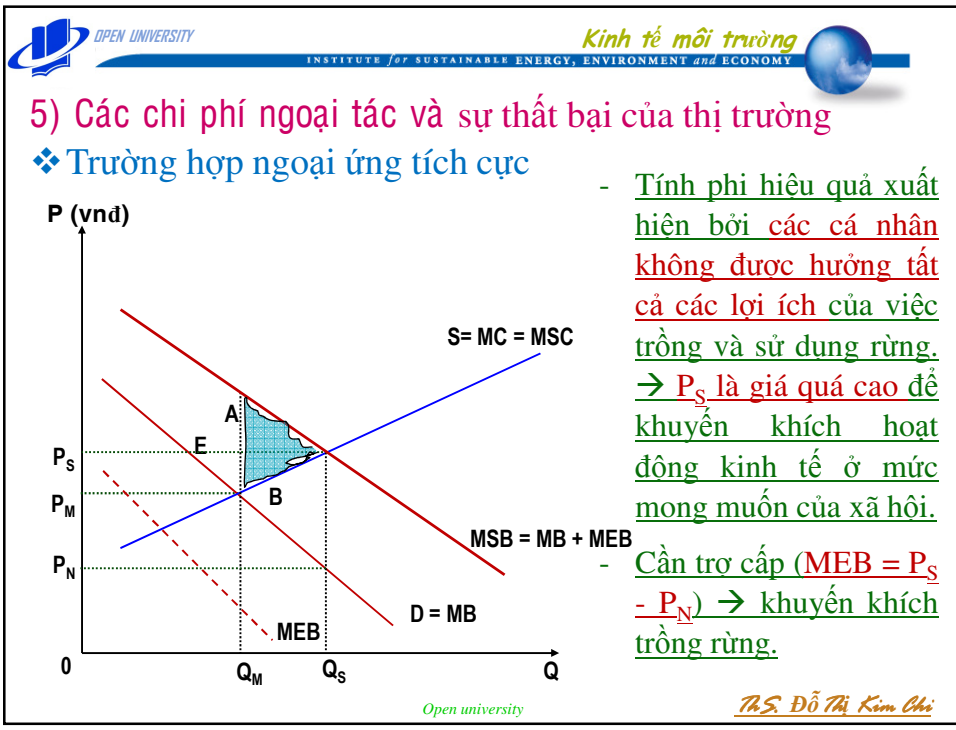
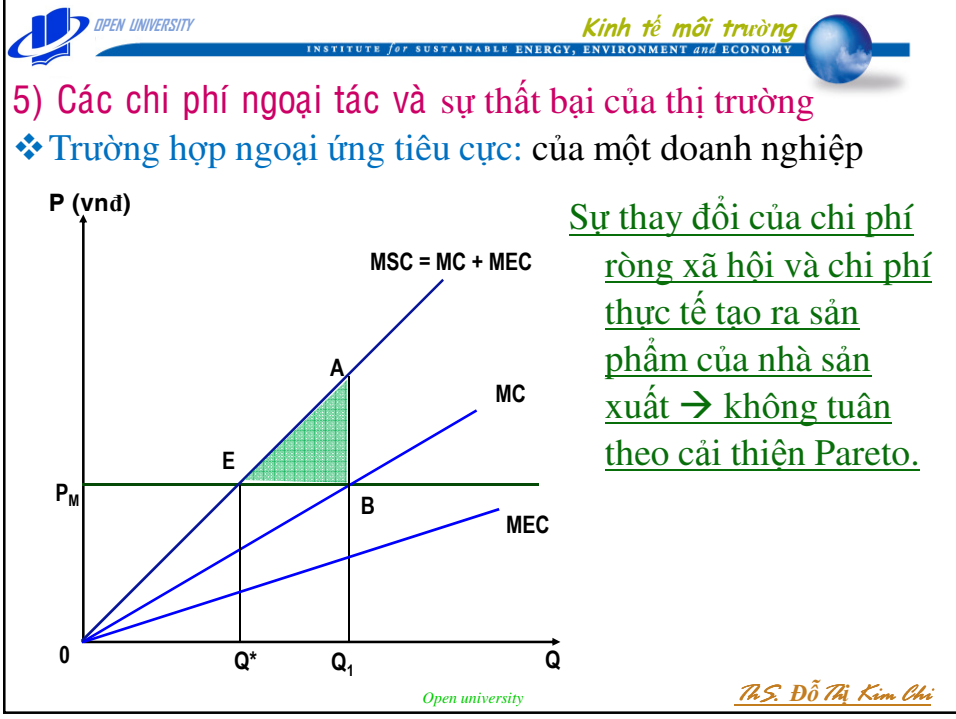


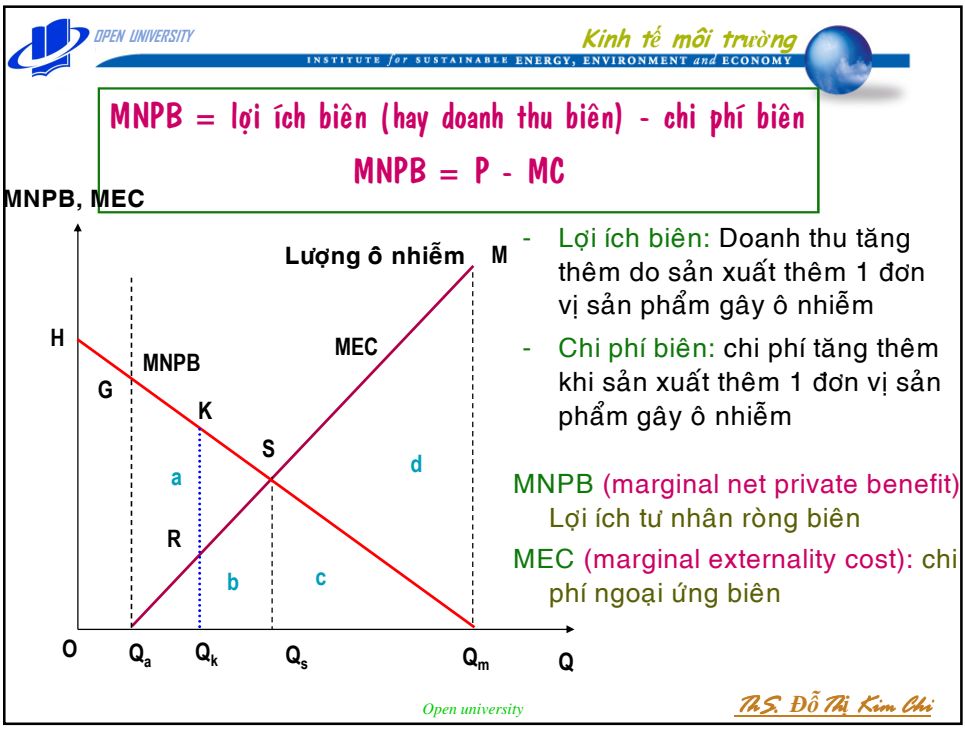
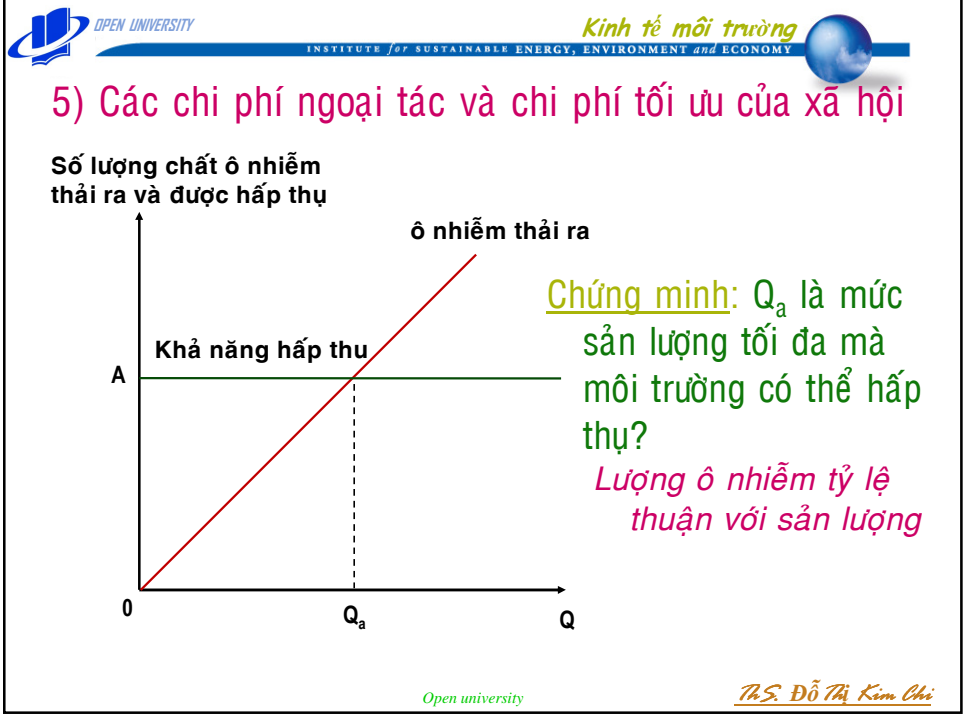
#### 5) Các chi phí ngoại tác và sự thất bại của thị trường

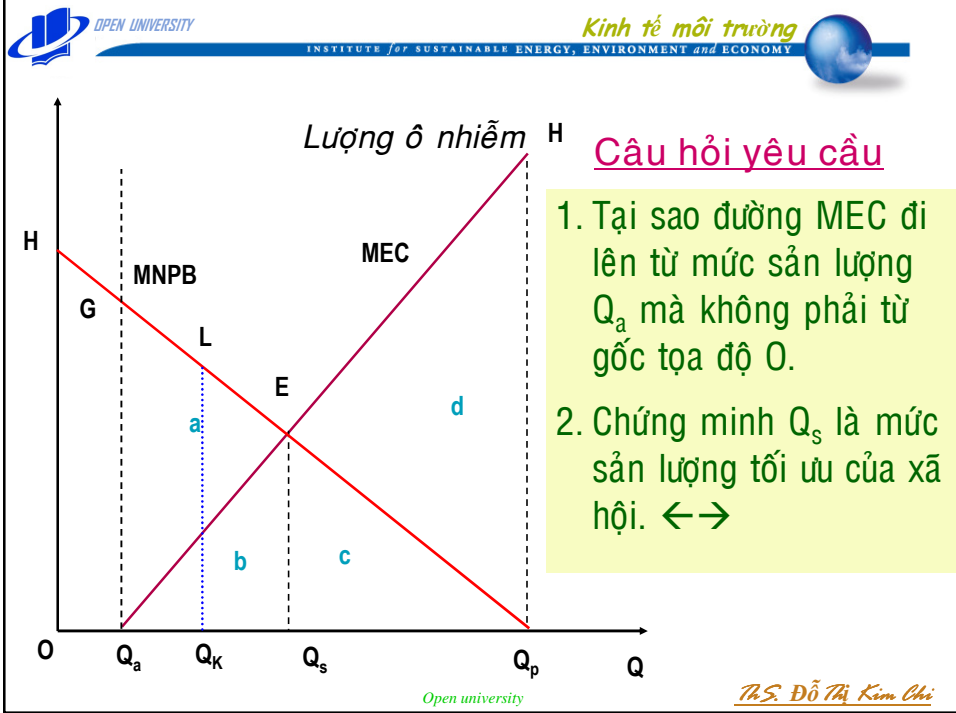
❖ Trường hợp ngoại ứng tiêu cực: đặc trưng cho ngành CN





Sự thay đổi của sản lượng tối ưu xã hội và sản lượng thực tế thị trường → thiệt hại của tam giác EAB.








**OPEN UNIVERSITY**

**Kinh tế môi trường**  
INSTITUTE for SUSTAINABLE ENERGY, ENVIRONMENT and ECONOMY


**Các vấn đề trên cho thấy:**

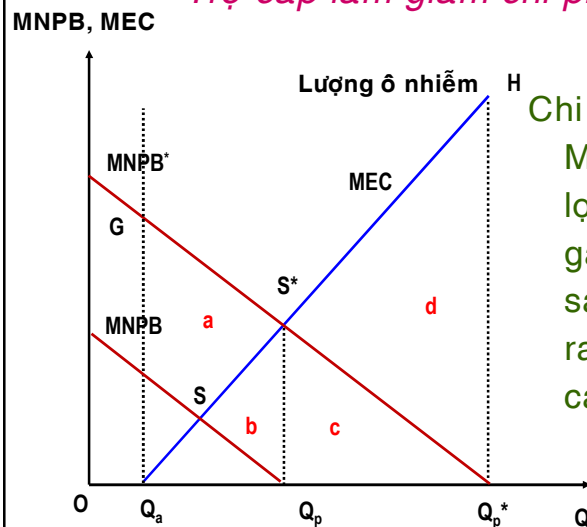
1. Các ngoại ứng không biến mất. Khối lượng **b** còn tồn tại như ngoại ứng tối ưu  $\langle \rangle$  quan điểm chất ô nhiễm nên bị loại trừ. Chất ô nhiễm bị loại trừ  $\langle - \rangle$  lượng chất thải  $\langle$  khả năng hấp thu của môi trường
2. Chi phí và doanh thu của doanh nghiệp quyết định bởi những lực lượng thị trường nhưng chi phí thường bị quyết định bởi những chính sách của nhà nước, đặc biệt trong các nước đang phát triển,

Open university
ThS. Đỗ Thị Kim Chi





### Trợ cấp làm giảm chi phí như thế nào?



Chi phí sản xuất giảm, MNPB  $\rightarrow$  MNPB\*, tăng lợi ích tư nhân. Người gây ô nhiễm mở rộng sản xuất  $\rightarrow$   $Q_p^*$  và tạo ra chi phí ngoại ứng cao hơn trước.



## 2.3 Sự thất bại của chính quyền trong vấn đề môi trường

### 1. Tại sao chính quyền can thiệp?

- Bảo vệ những nạn nhân của các tác động ngoại tác. Ví dụ: p.46
- Đặc tính của một số loại tài nguyên không thuộc sở hữu của ai, tự do tiếp cận  $\rightarrow$  có xu hướng bị lạm dụng, không ai bảo vệ. Ví dụ:

### 2. Tại sao chính quyền thất bại?

- Chịu chi phối của nhóm người nào đó trong xã hội, khi các quy định về môi trường làm tăng chi phí cho nhóm người này.
- Vì lý do chính trị, ví dụ:
- Không đủ khả năng thu thập thông tin cho phép theo dõi hậu quả của hoạt động kinh tế nào đó.



## Câu hỏi ôn tập bài 2

1. Khi sản xuất ở mức sản lượng nào thì tổng lợi nhuận của doanh nghiệp là tối đa? chứng minh doanh nghiệp chỉ sản xuất đến mức sản lượng mà doanh thu biên bằng chi phí biên.
2. Chứng minh rằng nếu sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó chi phí ngoại ứng biên bằng lợi ích tư nhân ròng biên thì lợi ích của xã hội là tối đa.
3. Trường hợp nhà nước trợ cấp giá cho các doanh nghiệp thì điều gì sẽ xảy ra? Vẽ đồ thị và giải thích.
4. Nêu ví dụ minh họa thất bại của nhà nước các nước đang phát triển trong vấn đề môi trường



## Bài tập 1

Một nhà máy sản xuất bia có hàm lợi nhuận biên và hàm chi phí tác hại biên như sau:  $MNPB = ax + b$  và  $MEC = 2x - 70$  (ngàn đồng) với  $x$  – sản phẩm (tấn).

- a. Vẽ đồ thị và xác định mức sản lượng tối ưu của doanh nghiệp và của xã hội. Với  $a = -1$  và  $b = 200$ .
- b. Đường chi phí ngoại ứng không thay đổi. Trường hợp doanh nghiệp được nhận trợ cấp từ chính phủ, do đó doanh nghiệp mở rộng sản xuất, và tăng mức sản lượng tới tối đa là 400 tấn. Tuy nhiên, mức sản lượng tối ưu của xã hội lại là 200 tấn. Hãy cho biết đường lợi ích tư nhân ròng biên thay đổi như thế nào?
- c. Thể hiện kết quả tính toán trên đồ thị.



## Bài tập 2

Giả sử có 1 chủ nuôi ong (A) cạnh 1 chủ trồng nhãn (N). A được lợi bởi 1 tổ ong thụ phấn được cho khoảng 1 ha nhãn. N không phải chi trả gì cho A vì ong được thả tự do. Tuy nhiên, theo tính toán thì số tổ ong quá ít không đủ thụ phấn cho toàn bộ vườn nhãn, do đó N phải hoàn tất việc thụ phấn bằng nhân tạo, khoản chi phí ước tính khoảng 10\$/ha nhãn. Biết hàm chi phí biên của A là  $MC = 10 + 2Q$  (Q – số tổ ong). Mỗi tổ ong tạo ra được lượng mật là 10kg, giá thị trường là 2\$/kg mật.

- Hãy cho biết A nuôi bao nhiêu tổ? (đ/s: 5 tổ)
- Đó có phải là tổ ong hiệu quả không? vì sao?
- Để có hiệu quả về mặt xã hội, cho biết A nên nuôi bao nhiêu tổ? (đ/s: 10 tổ)
- Thể hiện kết quả tính toán trên đồ thị.